

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026  
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển  
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình  
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU) và Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 10/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 74 -KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Tạo sự đồng bộ, thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 06-NQ/TU, Kế hoạch số 52-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 74 -KH/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định rõ và giao nhiệm vụ cụ thể, chi tiết, có lộ trình, sản phẩm, kết quả đầu ra cho các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan; bảo đảm việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, từng địa phương trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch.

#### 2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 06-NQ/TU, Kế hoạch số 52-KH/TU, Kế hoạch số 74 -KH/ĐU và các văn bản khác có liên quan của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thường xuyên rà soát, cập nhật các nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Tổ chức thực hiện đồng bộ, có

trọng tâm, trọng điểm; bám sát các chương trình, kế hoạch của tỉnh đang triển khai, bảo đảm hiệu quả, khả thi, tránh chồng chéo, dàn trải.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; cụ thể hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình, hướng tới phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên mới.

- Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý chủ động, linh hoạt tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả; xác định đây là nhiệm vụ mang tính cách mạng sâu sắc, toàn diện, cần được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với các giải pháp đột phá; đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân liên quan.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/TU, Kế hoạch số 52-KH/TU, Kế hoạch số 74 -KH/ĐU về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và các văn bản, chương trình, kế hoạch khác của tỉnh có liên quan; qua đó, đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực quản trị, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh Ninh Bình, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Mục tiêu đến năm 2030**

##### *2.1.1. Về khoa học*

- Thu hút 1-2 trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) lớn trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh.

- Thu hút 5.000 nhân lực công nghệ số; số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân là 12 người.

- Số lượng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm  $\geq 50$ ; Số lượng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu  $\geq 60\%$ .

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình  $10\%/năm$ .

#### 2.1.2. Về công nghệ

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên  $57\%$ .

- Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ hiện đại về AI, IoT, chip bán dẫn, công nghệ sinh học làm cơ sở phục vụ chiến lược đào tạo nhân lực chất lượng cao; có ít nhất 02-03 tổ chức, doanh nghiệp hàng đầu thế giới và Việt Nam đặt trụ sở, chi nhánh đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Ninh Bình.

- Phần đầu có trên 20 sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký. Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 05 sáng chế, giải pháp hữu ích/năm; tỷ lệ khai thác thương mại đạt  $8-10\%$ . Số lượng văn bằng bảo hộ, nhãn hiệu tăng trung bình  $12-15\%$ .

#### 2.1.3. Về đổi mới sáng tạo

- Hình thành ít nhất 01 khu đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên  $40\%$  trong tổng số doanh nghiệp.

- Phần đầu có trên 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Mỗi năm có ít nhất 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa, 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh.

#### 2.1.4. Về chuyển đổi số

- Hình thành 5 -10 doanh nghiệp công nghệ số quy mô vùng.

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số  $\geq 90\%$ .

- Phần đầu đưa tỉnh Ninh Bình vào nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc về chuyển đổi số (DTI).

- Phần đầu 100% địa bàn được phủ sóng 5G và 100% người dân có khả năng truy cập Internet băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s, hướng

đến ứng dụng công nghệ Internet vệ tinh (Starlink), đảm bảo hạ tầng số đáp ứng yêu cầu vận hành thông minh, hiện đại.

- Xây dựng hạ tầng điện toán đám mây, Kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. 100% các ban, sở, ngành có cơ sở dữ liệu dùng chung được tích hợp vào nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

- Tập trung hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) để IOC thực sự là “bộ não số”, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Phát triển mạnh mẽ kinh tế số, phân đầu kinh tế số đạt quy mô 30%-35% GRDP của tỉnh, đồng thời thúc đẩy hình thành công dân số và xã hội số an toàn, văn minh.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công từ 85% trở lên; giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GRDP.

## **2.2. Tầm nhìn đến năm 2045**

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh Ninh Bình là Đô thị thông minh, bền vững, bản sắc của khu vực; là thành phố đáng sống, nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc.

- Người dân Ninh Bình có mức phát triển thuộc nhóm đầu so với các địa phương trong cả nước; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP; thu hút các tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp lớn về đầu tư để hình thành các khu trung tâm công nghệ và đổi mới sáng tạo, có tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số nằm trong các tỉnh dẫn đầu trong cả nước.

- Tiếp tục thu hút nhiều tổ chức, doanh nghiệp mạnh về công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo)**

Chỉ đạo, điều phối thống nhất việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xem xét, cho ý kiến đối với các nhiệm vụ quan trọng, liên ngành, liên lĩnh vực; chỉ đạo tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả và đúng tiến độ.

## **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; định kỳ hằng quý (trước ngày 25 tháng cuối của quý), 6 tháng (trước ngày 25/6), năm (trước ngày 15/12) và đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất các giải pháp thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng, quản lý, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực phụ trách; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các sở, ngành, địa phương bảo đảm đồng bộ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị.

- Tham mưu đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện.

- Định kỳ hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch (hoặc lồng ghép) để cụ thể hóa, phân công tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch.

## **3. Sở Nội vụ**

- Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai công tác thi đua, khen thưởng; lựa chọn, đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đúng quy định, thực chất, hiệu quả; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu triển khai đồng bộ, hiệu quả việc gắn kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước với các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

- Tích cực, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy; xem xét thành lập mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời tham mưu xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh gắn với yêu cầu chuyển đổi số.

#### **4. Công an tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ còn lại và duy trì, nâng cao chất lượng các kết quả đã đạt được; tham mưu khai thác, ứng dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng; tăng cường quản lý nhà nước trên không gian mạng, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật sử dụng công nghệ cao; kịp thời cảnh báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, góp phần bảo đảm an toàn, tin cậy cho các hoạt động chỉ đạo, điều hành, sản xuất, kinh doanh và các giao dịch trên môi số.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn, đôn đốc triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

#### **5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công tác chỉ đạo, điều hành; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả; kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; đẩy mạnh cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, vận hành, nâng cấp các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các cấp; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, phục vụ quản trị điều hành theo thời gian thực, dựa trên dữ liệu. Phối hợp với các cơ

quan liên quan chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử; theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thông qua các hệ thống số; góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

## **6. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng mục tiêu, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai sót, hạn chế (nếu có); phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác (xã hội hóa, hợp tác công - tư, nguồn tài trợ, viện trợ...) nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cho các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Định kỳ hoặc đột xuất, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền; đề xuất điều chỉnh, bổ sung kinh phí phù hợp với yêu cầu, tiến độ triển khai các nhiệm vụ.

## **7. Văn phòng Tỉnh ủy**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu, tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên thông với hệ thống các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, triển khai các nền tảng, công cụ số phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, thống kê, báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các văn bản của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch này; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của Văn phòng Trung ương Đảng, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Chủ trì, phối hợp triển khai số hóa tài liệu, hồ sơ, xây dựng môi trường làm việc điện tử trong các cơ quan Đảng; từng bước hình thành nền tảng làm việc số, nâng cao hiệu quả xử lý công việc, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin

theo quy định; góp phần hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

### **8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình; Công Thông tin điện tử tỉnh; các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh**

- Chủ động xây dựng, mở rộng các kênh, nền tảng truyền thông số; thiết lập, nâng cấp các chuyên trang, chuyên mục; tăng cường thời lượng, tần suất tuyên truyền; tập trung phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; nội dung về an toàn, an ninh thông tin mạng, phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông; góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông theo hướng hiện đại, đa phương tiện, dễ tiếp cận; tăng cường sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video, infographic, nền tảng mạng xã hội...); đẩy mạnh tương tác hai chiều, kịp thời tiếp nhận, phản hồi thông tin, định hướng dư luận xã hội.

- Tăng cường tuyên truyền kết quả triển khai, phổ biến, lan tỏa các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các chuyên đề truyền thông trọng điểm gắn với từng giai đoạn, nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch; tham gia theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác truyền thông thông qua các chỉ số đo lường phù hợp với tình hình thực tiễn (mức độ tiếp cận, tương tác, thay đổi nhận thức...).

### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan truyền thông, báo chí và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; nội dung về an toàn, an ninh thông tin mạng, phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số thiết yếu, tài khoản định danh điện tử thông qua các hoạt động xã hội hóa, các phong trào, cuộc vận động tại cơ sở.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương; nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả trong cộng đồng.

- Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với việc triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch liên quan; kịp thời tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

### **10. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các xã, phường**

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thuộc phạm vi quản lý. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng tiến độ, lộ trình; bảo đảm chất lượng, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch; đồng thời, tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

- Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức rà soát, xây dựng và ban hành kế hoạch của mình để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm bám sát các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi quản lý; xác định rõ mục tiêu, tiến độ, kinh phí thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ đơn vị ... làm cơ sở kiểm tra, đánh giá kết quả. Hoàn thành và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) **trước ngày 30/5/2026**.

- Thực hiện lồng ghép, cập nhật các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của các chương trình, kế hoạch, đề án của bộ, ngành chủ quản với Kế hoạch này; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong tổ chức triển khai, tránh chồng chéo, lãng phí; tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ, dự án liên ngành, liên vùng; bảo đảm kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin; thực hiện chia sẻ, khai thác hiệu quả dữ liệu thuộc phạm vi quản lý với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kịp thời báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Định kỳ hằng quý (trước ngày 20 tháng cuối của quý), 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 10/12) và đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung của Kế hoạch để phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động báo cáo, đề xuất gửi về Sở Khoa

học và Công nghệ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP, các VP, TT;
- Báo và PTTH Ninh Bình;
- Trường ĐH Hoa Lư; các Trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP2,11.

BXC\_VP11\_KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Thanh Sơn**